

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 484/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 2001 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh G, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ý N trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Minh G do quen biết nhau, tìm hiểu khoảng 06 tháng thì kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 18/02/2020. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống chung gia đình anh G, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn định. Sau đó đến khoảng tháng 6/2021 thì chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày do không hợp nhau về tính tình nên không có tiếng nói chung.

Tôi đi làm công ty ở khu công nghiệp L, anh G ghen tuông cho rằng tôi quen với người đàn ông khác, tôi và anh G có nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả, tôi và anh G thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Sau đó tôi về nhà mẹ ruột tôi ở từ tháng 9/2022 đến nay, anh G không liên hệ hòa giải, không liên lạc gì với tôi.

Tôi thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc Gia H, sinh ngày 14/5/2020. Ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung do hiện nay tôi làm trang điểm cô dâu mỗi tháng thu nhập từ 9 đến 10 triệu đồng. Từ lúc ly thân đến nay con chung do tôi trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 31/10/2023, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Minh G trình bày: Về thời gian kết hôn và con chung tôi thống nhất với lời trình bày của chị N.*

Về yêu cầu ly hôn của chị N tôi không đồng ý vì lúc làm ở khu công nghiệp L chị N có quen với người đàn ông đang có vợ, vợ của người này có liên lạc với tôi, gửi hình ảnh của chị N thân mật với người đàn ông này. Lúc đó tôi và vợ tôi có nói chuyện với nhau, sau đó tôi đưa chị N và con chung về sinh sống chung cha mẹ chị N với mục đích để chị N không còn qua lại với người đàn ông này. Sau đó chị N và người đàn ông này vẫn tiếp tục qua lại với nhau. Từ đó đến nay hai vợ chồng không còn nói chuyện với nhau. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không muốn ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc Gia H, sinh ngày 14/5/2020. Nếu phải ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay tôi làm sale tiêu dùng, thu nhập bình quân của tôi khoảng 13-16 triệu đồng/tháng, đủ khả năng lo cho con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh G không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh G yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị N yêu cầu được ly hôn với anh G, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh G có nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị N và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 18/02/2020 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị N trình bày mâu thuẫn giữa chị và anh G xảy ra từ khoảng tháng 6/2021 do không hợp nhau về tính tình nên không có tiếng nói chung. Anh G ghen tuông cho rằng chị quen với người đàn ông khác, chị và anh G có nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh G ly thân từ tháng 9/2022 đến nay, vợ chồng không liên hệ hòa giải gì với nhau.

Anh G thừa nhận vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc anh cho rằng chị N quen với người đàn ông khác và vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Tuy nhiên anh G không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm. Anh G cho rằng mâu thuẫn gia đình anh xuất phát từ việc chị N quen với người đàn ông khác, tuy nhiên tại phiên tòa chị N không thừa nhận và anh G cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của anh G.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh G, không đồng ý đoàn tụ. Chị N và anh G đã ly thân với nhau từ tháng 9/2022 đến nay, từ lúc ly thân đến nay anh chị cũng không có biện pháp nào hòa giải để gia đình đoàn tụ. Anh G không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra được giải pháp nào mang tính khả thi, có hiệu quả nhằm hàn gắn tình cảm gia đình. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh G có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc Gia H, sinh ngày 14/5/2020. Ly hôn cả chị N và anh G đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, về điều kiện nuôi con: Chị N hiện làm trang điểm cô dâu với mức thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Anh G làm làm sale tiêu dùng, thu nhập bình quân khoảng 13-16 triệu đồng/tháng. Về điều kiện nuôi con xét thấy cả chị N và anh G hiện nay đều có việc làm với mức thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, xét thấy từ khi chị N và anh G ly thân đến nay, cháu Gia H sống cùng chị N do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc khác, cháu cháu Gia H còn nhỏ, hiện nay chỉ mới 3,5 tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định của con chung cần tiếp tục giao cháu Gia H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ý N.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ý N được ly hôn với anh Nguyễn Minh G.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc Gia H, sinh ngày 14/5/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh G chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N chưa yêu cầu.

Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0018047 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền

Giang nên chị N đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;

- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang